

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm

2. Ông Phạm Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc D, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Số 26, Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Ngô Huỳnh Tuấn A, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Số 433, đường ĐT 744, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B.

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1957; hộ khẩu thường trú: Số 26, Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Người làm chứng bà Hoàng Thị B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 7 năm 2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc D và ông Ngô Huỳnh Tuấn A chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh B vào ngày 04/6/2019. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt, mệt mỏi, hiện nay hai bên đã không còn sống chung với nhau nữa từ thời gian tháng 7 năm 2023. Vì vậy, bà Ngô Thị Ngọc D quyết định làm đơn ly hôn với ông Ngô Huỳnh Tuấn A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Ngô Thị Ngọc D và ông Ngô Huỳnh Tuấn A có 01 con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019. Bà Ngô Thị Ngọc D yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Anh K; đồng thời buộc ông Ngô Huỳnh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2023 bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A trình bày ý kiến:***

Hiện nay ông Ngô Huỳnh Tuấn A đăng ký hộ khẩu thường trú sinh sống tại số 433, đường ĐT 749, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B.

Công việc của ông Ngô Huỳnh Tuấn A hiện nay làm tài xế cho công ty tên ở khu công nghiệp B từ tháng 3 năm 2023. Bình quân thu nhập hàng tháng giao động từ 14.000.000 đến 15.000.000 đồng. Ngoài thu nhập với số tiền trên thì ông Ngô Huỳnh Tuấn A không còn có nguồn thu nhập kinh tế gì khác.

Giữa ông Ngô Huỳnh Tuấn A và bà Ngô Thị Ngọc D hai bên tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh B vào ngày 04/6/2019. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019. Hiện nay cháu Ngô Anh K đang học lớp chồi của Trường mầm non Tuổi Tiên ở khu công nghiệp B. Hằng ngày thì bà Ngô Thị Ngọc D đưa đón cháu Ngô Anh K đi học và cùng với mẹ ruột của bà D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Sau khi kết hôn với nhau thì hai vợ chồng chung sống với gia đình bên mẹ vợ là bà Hoàng Thị B, sinh năm 1957; tại địa chỉ số 26, Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B.

Từ tháng 7 năm 2023 phía ông Ngô Huỳnh Tuấn A đã về sinh sống tại số 433, đường ĐT 749, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B nên hiện nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa. Lý do ông Ngô Huỳnh Tuấn A bỏ về nhà sinh

sống tại ấp C, xã L là do bà D không đồng ý cho ông A ở chung căn nhà và xếp đồ đạc quần áo giao cho ông A cất giữ. Đồng thời bà D cho rằng ông A mắc nợ nhiều do làm ăn thất bại và thường xuyên vắng mặt ở nhà do tính chất công việc của ông A nên mới phát sinh vấn đề ly hôn.

Ông A hoàn toàn không có hành vi bạo lực đánh bà D và không có thái độ không đúng với bà Hoàng Thị B. Trong quá trình chung sống với nhau ông Ngô Huỳnh Tuấn A thường xuyên chăm lo cuộc sống gia đình, lương lãnh hàng tháng đều giao cho bà D để phụ nuôi dưỡng cháu Ngô Anh K và hoàn toàn không có lỗi gì. Sau khi ông Ngô Huỳnh Tuấn A bỏ về nhà của mình chung sống từ tháng 7 năm 2023 đến nay thì ông Ngô Huỳnh Tuấn A đối xử thương yêu, chăm sóc bà Ngô Thị Ngọc D và cháu Ngô Anh K rất tốt và phía gia đình bà D, bà B hoàn toàn không có ngăn cản gì.

Năm 2021, bà Hoàng Thị B có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04579 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát cấp ngày 16/01/2012 cho bà Hoàng Thị B để vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh B, sau đó chuyển sang thể chấp quyền sử dụng đất nói trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á – Chi nhánh Phan Đăng Lưu, thành phố H để vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thể hiện tại chứng cứ Khế ước nhận nợ số 01-144/2023/HĐTD/BacABank-PDL ngày 12/5/2023. Như vậy, trong tổng số tiền 5.000.000.000 đồng thì bà B sử dụng số tiền 1.000.000.000 đồng để xây dựng căn nhà đang sinh sống, còn số tiền 4.000.000.000 đồng giao cho ông A để kinh doanh bất động sản nhưng hiện nay đang gặp khó khăn về tài sản do thị trường và phía Ngân hàng thay đổi cơ cấu chính sách.

Hiện nay nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với bị đơn thì ông Ngô Huỳnh Tuấn A không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con và hoàn toàn không có lỗi gì trong cuộc sống tình cảm gia đình. Nếu trong trường hợp bà D kiên quyết ly hôn thì Tòa án huyện Dầu Tiếng căn cứ theo quy định của pháp luật. Bà Ngô Thị Ngọc D yêu cầu ông Ngô Huỳnh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi thì ông A có ý kiến lương lãnh hàng tháng của ông A đều chuyển vào tài khoản của bà D để phụ cuộc sống gia đình, còn nội dung cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi thì ông A đồng ý, không có ý kiến gì khác.

*** *Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2023 người làm chứng bà Hoàng Thị B trình bày ý kiến:***

Hiện nay bà Hoàng Thị B đăng ký hộ khẩu thường trú sinh sống tại địa chỉ số 26, Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B. Bà B có mối quan hệ là mẹ ruột của bà Ngô Thị Ngọc D, còn ông Ngô Huỳnh Tuấn A quan hệ là con rể.

Quá trình chung sống giữa ông Ngô Huỳnh Tuấn A và bà Ngô Thị Ngọc D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh B vào ngày 04/6/2019. Sau khi kết

hôn với nhau thì hai vợ chồng bà D, ông A chung sống với gia đình bên mẹ vợ là bà Hoàng Thị B tại địa chỉ số 26, Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh B.

Hiện tại ông A làm nghề tài xế của Công ty ở khu công nghiệp B từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, còn bà D thì mở tiệm tại nhà làm chăm sóc sắc đẹp và bán mỹ phẩm cho phụ nữ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống từ năm 2019 cho đến tháng 7 năm 2023 thì phía ông A thường xuyên uống rượu, bia say xỉn về nhà có hành vi bạo lực gia đình đối với bà D, còn A nhiều lần có thái độ về lời nói không đúng với vai trò là con rể đối với bà B. Nguyên nhân do năm 2021, bà B có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04579 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 16/01/2012 cho bà Hoàng Thị B để vay số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) tại Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh B, sau đó chuyển sang thế chấp quyền sử dụng đất nói trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á – Chi nhánh Phan Đăng Lưu, thành phố H để vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) thể hiện tại chứng cứ Khế ước nhận nợ số 01-144/2023/HĐTD/BacABank-PĐL ngày 12/5/2023. Như vậy, trong tổng số tiền 5.000.000.000 đồng thì bà B sử dụng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) để xây dựng căn nhà đang sinh sống, còn số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) giao cho ông A để làm ăn đất đai gì đó. Tuy nhiên đến kỳ hạn đóng lãi hàng tháng cho Ngân hàng thì phía ông A không có trách nhiệm gì và tiền gốc cũng không thanh toán cho Ngân hàng nên từ đó phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và bà B. Hiện nay ngoài số tiền nợ của Ngân hàng thì ông Ngô Huỳnh Tuấn A còn mắc nợ rất nhiều người khác nên họ cứ đến nhà bà Hoàng Thị B để đòi tiền thiếu nợ nên gia đình bà B, bà D cũng nhiều lần thanh toán các khoản nợ này. Vì vậy, phần nào cũng ảnh hưởng đến cuộc sống tinh thần của gia đình bà Hoàng Thị B.

Từ tháng 7 năm 2023 phía ông Ngô Huỳnh Tuấn A đã về sinh sống với cha mẹ ruột tại số 433, đường ĐT 744, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B nên hiện nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình chung sống với nhau ông Ngô Huỳnh Tuấn A chỉ biết đến cuộc sống cá nhân của mình không chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình và thường xuyên mâu thuẫn trầm trọng với bà D và bà B vì liên quan đến tài chính. Sau khi ông Ngô Huỳnh Tuấn A bỏ về nhà chung sống với cha mẹ ruột của mình từ tháng 7 năm 2023 đến nay thì ông Ngô Huỳnh Tuấn A hoàn toàn không có thái độ quan tâm, chăm sóc gì đối với bà Ngô Thị Ngọc D và cháu Ngô Anh K.

Hiện nay nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Huỳnh Tuấn A thì ý kiến của bà Hoàng Thị B yêu cầu Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật vì hiện nay 02 đứa con đã lớn trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự để quyết định hạnh phúc của mình. Đối với khoản nợ ngân hàng số tiền 4.000.000.000 đồng của ông Ngô Huỳnh Tuấn A vì tình cảm gia đình nên bà B sẽ giải quyết riêng đối với ông Tuấn A.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông A.

Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019, yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đây là tranh chấp về ly hôn. Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy: Nguyên đơn bà D và bị đơn ông Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 04/6/2019 tại UBND xã L, huyện D, tỉnh B. Quá trình sống chung có 01 con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019.

Hiện nay, cho rằng vợ chồng sống chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay nên giữa vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Tuấn A, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn ông Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bị đơn đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Theo biên bản xác minh thì giữa nguyên đơn bà D và bị đơn ông Tuấn A đã ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, nguyên đơn bà D đang sinh sống cùng mẹ ruột bà Hoàng Thị B tại Quốc lộ 13, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh, bị đơn ông Tuấn A đang sinh sống cùng gia đình tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B, không chăm lo cho gia đình, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng). Vì vậy, căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Ngô Thị Ngọc D khởi kiện ông Ngô Huỳnh Tuấn A về việc ly hôn. Ông Ngô Huỳnh Tuấn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 433, đường ĐT 744, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị Ngọc D và ông Ngô Huỳnh Tuấn A chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh B vào ngày 04/6/2019. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc nên bà Ngô Thị Ngọc D quyết định ly hôn với ông Ngô Huỳnh Tuấn A.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo tạo điều kiện cho bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Ngô Huỳnh Tuấn A không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/10/2023 của Tòa án đối với ông Ngô Huỳnh Tuấn A thể hiện từ tháng 7 năm 2023 phía ông Ngô Huỳnh Tuấn A đã về sinh sống tại số 433, đường ĐT 749, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh B nên hiện nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa. Ông Ngô Huỳnh Tuấn A bỏ về nhà sinh sống tại ấp C, xã L là do bà D không đồng ý cho ông Tuấn A ở chung căn nhà và xếp đồ đạc quần áo giao cho ông Tuấn A cất giữ. Bên cạnh đó phía bà D cho rằng ông Tuấn A mắc nợ nhiều do làm ăn thất bại và thường xuyên vắng mặt ở nhà do tính chất công việc của ông Tuấn A nên mới phát sinh vấn đề ly hôn. Tuy nhiên ý kiến của ông Ngô Huỳnh Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bị đơn đồng ý giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Ngọc D đối với ông Ngô

Huỳnh Tuấn A là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa bà D và ông A có 01 người con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019. Hiện nay người con chung đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng và đang học lớp chồi của Trường mầm non Tuổi Tiên ở khu công nghiệp B. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và việc ăn học ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu Ngô Anh K nên cần tiếp tục giao cháu Ngô Anh K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn ông Ngô Huỳnh Tuấn A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc D đối với ông Ngô Huỳnh Tuấn A về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc D ly hôn với ông Ngô Huỳnh Tuấn A.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Ngô Anh K, sinh ngày 16/4/2019 cho bà Ngô Thị Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Huỳnh Tuấn A về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2023.

Kể từ ngày bà Ngô Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Ngô Huỳnh Tuấn A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng

ông Ngô Huỳnh Tuấn A còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn thì bà Ngô Thị Ngọc D và ông Ngô Huỳnh Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009282 ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Ông Ngô Huỳnh Tuấn A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Long Tân (Giấy CNKH số 21 ngày 04/6/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam